

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/DS-PT

Ngày: 20-7-2023

*V/v “Tranh chấp liên quan đến
tài sản bị cưỡng chế thi hành
án theo quy định của pháp luật về
thi hành án dân sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Bùi Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong các ngày 14/7 và 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và tranh chấp hủy vi bằng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS -ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2023/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lại Thị K**, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K:

Ông Lê Hồng P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố PC, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị M**, sinh năm 1964. Có mặt.

Ông **Võ Hoàng T**, sinh năm 1962. Có mặt.

Anh **Võ Hoàng Th**, sinh năm 1986. Có mặt.

Anh **Võ Hoàng D**, sinh năm 1994. Có đơn xin vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM

Địa chỉ: Thôn K, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM: ông Ngô Hữu Đ. Có đơn xin vắng mặt.

+ Văn phòng Thừa phát lại PL.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Trung H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện BGM: ông Lê Minh B – chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt.

** Người kháng cáo: Nguyên đơn: Lại Thị K.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lại Thị K trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Bà K và bà M có quan hệ thân quen từ trước nên vào ngày 29/01/2019 bà có cho bà Đoàn Thị M và con trai bà M là anh Võ Hoàng D vay số tiền 950.000.000 đồng để sử dụng, hạn trả vào ngày 29/01/2020. Tuy nhiên đến hạn trả thì bà M, anh D không thực hiện việc trả tiền theo đúng thỏa thuận nên bà K khởi kiện tại Tòa án. Tại Tòa án, bà M và anh D thống nhất trả nợ cho bà số tiền vay gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi 107.498.000 đồng vào ngày 19/7/2021, theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/2021/QĐST-DS ngày 05/4/2021. Tuy nhiên đến ngày 19/7/2021 bà M, anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tháng 8/2021, bà K làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự, bà M, anh D có tham gia làm việc nhưng không thống nhất được việc trả nợ do không có tiền để trả. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án thì gia đình bà M có 01 tài sản là thửa đất số 35, diện tích đất khoảng 10.000 m² (sau này qua đo đạc thực tế là 11.516,8 m²) tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước, đất đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vậy bà K làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án xác định bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th là những

người sở hữu chung đối với tài sản là thửa đất số 35 nêu trên để xử lý trả nợ cho bà. Đồng thời bà có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 được gia đình bà M lập tại Văn phòng thừa phát lại PL, vì vi bằng này có nội dung gia đình bà M thỏa thuận giao quyền sử dụng đối với diện tích đất 11.516,8 m² nêu trên cho anh Võ Hoàng Th một mình sử dụng, như vậy bà M và anh D không có tài sản nào khác để thi hành án trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà.

** Bị đơn bà Đoàn Thị M và anh Võ Hoàng D cùng thống nhất trình bày:*

Vào ngày 29/01/2019 bà M và anh D có vay của bà K số tiền 950.000.000 đồng và có thỏa thuận việc trả nợ cho bà K tại Tòa án theo đúng nội dung bà K trình bày nêu trên. Tuy nhiên bà M và anh D không có tiền để trả cho bà K nên bà K đã làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BGM. Đây là khoản vay của bà M và anh D sử dụng chung, chồng bà M là ông Võ Hoàng T và con trai Võ Hoàng Th không có vay cùng và cũng không được sử dụng số tiền này.

Đối với diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước, nguồn gốc đất do một mình ông T khai hoang năm 1993 mà có, khi đó vì điều kiện kinh tế bà M và các con còn đang sinh sống tại huyện CC-TP. Hồ Chí Minh chưa lên sống cùng với ông T, sau đó ông T trồng toàn bộ cây điều trên đất, đến khoảng năm 2012 thì ông T mới kê khai làm thủ tục đo đạc để cấp giấy chứng nhận lần đầu nhưng chưa hoàn tất.

Do trước đây bà M và anh D có nợ tiền của ông Nguyễn Minh H1 và bà Bùi Thị Bông M1 và đồng ý trả cho ông H1, bà M1 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/QĐST-DS ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện BGM. Do đó tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BGM, gia đình chúng tôi gồm 4 người bà M, ông T, anh D, anh Th đã thỏa thuận tại Biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án ngày 16/8/2019 như sau: giao cho bà M và anh D sử dụng diện tích đất 490, 5 m² tại thôn ĐL, xã PN (vào ngày 19/8/2019 bà M và anh D đã thống nhất giao diện tích đất 490, 5 m² cùng các tài sản trên đất cho ông H1, bà M1 để trả nợ cho ông H1, bà M1); còn diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN thì gia đình chúng tôi giao cho ông T một mình sử dụng; riêng anh Th thì không có ý kiến tranh chấp gì cả. Trên cơ sở Biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án này thì ông T đi đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất 11.516,8 m² mang tên ông Võ Hoàng T, đang trong quá trình làm thủ tục cấp sổ đất cho ông T thì do bà K làm thủ tục

yêu cầu thi hành án dân sự nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông T đang tạm ngưng.

Do đó trước yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN là tài sản chung của cả gia đình thì bà M và anh D thì bà không đồng ý, vì gia đình chúng tôi đã thống nhất giao tài sản cho một mình ông T sử dụng vào ngày 16/8/2019, nên đây là tài sản riêng của ông T. Ngoài ra đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 thì bà M và anh D cũng không đồng ý vì cho rằng vi bằng này không có vi phạm pháp luật.

** Bị đơn ông Võ Hoàng T trình bày:*

Sự việc vào ngày 29/01/2019 bà M và con trai ông là anh D có xác lập với bà Lại Thị K 01 vi bằng tại văn phòng thừa phát lại PL để vay của bà K số tiền 950.000.000 đồng thì ông không biết, không được đi vay cùng, bà M cũng không thông báo cho ông biết và ông cũng không được sử dụng chung số tiền này. Do đó ông không liên quan đến số tiền này.

Đối với diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước thì có nguồn gốc đúng như bà M trình bày ở trên và đã được gia đình chúng tôi gồm 04 thành viên bà M, ông T, anh D, anh Th đã thỏa thuận tại Biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án ngày 16/8/2019, thống nhất giao diện tích đất 11.516,8 m² nêu trên cho ông T sử dụng một mình. Trên cơ sở thỏa thuận này, ông T đã đi đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất 11.516,8 m² mang tên Võ Hoàng T. Đang trong quá trình làm thủ tục cấp sổ đất cho ông T thì do bà K làm thủ tục thi hành án dân sự nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông T đang tạm ngưng.

Do đó ông T cũng đồng ý kiến với bà M là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị K.

** Bị đơn anh Võ Hoàng Th trình bày:*

Vào ngày 21/6/2019 tại Văn phòng thừa phát lại PL gia đình chúng tôi gồm bà M, ông T, anh D và anh Th thống nhất lập vi bằng số 110 ngày 21/6/2019 với nội dung cả gia đình thống nhất giao cho anh Th được sử dụng diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN, nhưng thời điểm đó do chưa có kết quả đo đạc nên cả gia đình không biết diện tích cụ thể, chỉ ước chừng khoảng 10.000 m². Sau khi lập vi bằng này thì gia đình cũng giao đất cho anh Th sử dụng, canh tác.

Tuy nhiên, sau đó do bà M và anh D phải thi hành án cho ông H1, bà M1 nên tại Biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo

thi hành án ngày 16/8/2019 thì bà M, ông T, D và anh Th thống nhất thỏa thuận lại về tài sản của gia đình, trong đó có thỏa thuận là giao diện tích đất 11.516,8 m² cho ông T sử dụng, có sự đồng ý tự nguyện của anh Th. Do đó theo anh Th thì diện tích đất 11.516,8 m² kể từ ngày 16/8/2019 là thuộc quyền sử dụng của ông T và vi bằng số 110 ngày 21/6/2019 không còn hiệu lực nữa.

Nay bà K khởi kiện thì anh Th không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Trình bày của Văn phòng thừa phát lại PL:*

Vào ngày 21/6/2019 gia đình ông T gồm ông Võ Hoàng T, vợ là Đoàn Thị M và các con là anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th cùng nhau đến Văn phòng thừa phát lại PL để đề nghị Văn phòng thừa phát lại PL ghi nhận sự kiện như sau:

Gia đình ông T gồm ông Võ Hoàng T, vợ là Đoàn Thị M và các con là anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th tự nguyện giao quyền sử dụng đất của gia đình là diện tích đất khoảng 10.000 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước cho con trai là Võ Hoàng Th được quyền sử dụng. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình ông T có mặt đầy đủ 04 thành viên để ký vi bằng.

Khi các đương sự đề nghị Văn phòng thừa phát lại PL ghi nhận sự kiện trên thì các đương sự hoàn toàn tự nguyện. Khi đó Văn phòng thừa phát lại PL ban hành Vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019. Sau khi lập vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 thì gia đình ông T không có đề nghị Văn phòng thừa phát lại PL hủy, thay đổi, bổ sung vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019.

Nay bà Lại Thị K đề nghị Tòa án hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019, thì do gia đình ông T không có thỏa thuận hủy vi bằng nên Văn phòng không có cơ sở để hủy vi bằng số 110 nêu trên.

** Trình bày của Chi cục thi hành án dân sự huyện BGM:*

Bà K là người được thi hành án theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 01/2021/QĐST-DS ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện BGM, giữa nguyên đơn bà Lại Thị K và bị đơn bà Đoàn Thị M, anh Võ Hoàng D. Theo Quyết định này, bà M và anh D có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền vay gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi là 107.498.000 đồng, hạn trả vào ngày 19/7/2021. Tuy nhiên bà M và anh D không thực hiện việc trả nợ theo đúng thời hạn nên bà K đã làm đơn yêu cầu thi hành án vào ngày 28/7/2021. Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM ban hành Quyết định thi hành án số 583/QĐ-CCTHADS ngày 28/7/2021.

Bà M, anh D thống nhất còn nợ bà K số tiền gốc và lãi theo quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 05/4/2021 của tòa án, tuy nhiên họ trình bày không có điều kiện thi hành án. Do đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM lập biên bản ngày 09/9/2021 về việc tự nguyện thi hành án không đạt kết quả.

Qua xác minh thì bà M và anh D có tài sản là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 44, diện tích đất 11.516,8 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất này là quyền sử dụng chung của gia đình bà M gồm bà Đoàn Thị M, chồng là ông Võ Hoàng T, cùng hai con trai là anh Võ Hoàng D và anh Võ Hoàng Th. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên các thành viên gia đình bà M cho rằng đây là tài sản riêng của ông T do gia đình bà M đã thống nhất chia tài sản chung theo biên bản về việc tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án ngày 06/8/2019. Do trước đây do bà M và anh D có vay nợ của ông Nguyễn Minh H1 và bà Bùi Thị Bông M1, tại Tòa án nhân dân huyện BGM giải quyết ra quyết định công nhận sự thỏa thuận, nhưng bà M, anh D không trả được nợ. Do đó tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BGM, gia đình bà M gồm 4 người bà M, ông T, anh D, anh Th đã thỏa thuận tại Biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án ngày 16/8/2019: giao cho bà M và anh D sử dụng diện tích đất 490, 5 m² tại thôn ĐL, xã PN; vào ngày 19/8/2019 bà M và anh D đã thống nhất giao diện tích đất 490,5 m² cùng các tài sản trên đất cho ông H1, bà M1 để trả nợ cho ông H1, bà M1. Còn diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN thì gia đình chúng tôi giao cho ông T sử dụng một mình; riêng anh Th thì không có ý kiến tranh chấp gì cả.

Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì biên bản về việc tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án có hiệu lực thi hành, đến nay các đương sự trong vụ việc không có văn bản thay đổi ý kiến.

Nay đối với diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN nêu trên thì đương sự bà K có yêu cầu xác định là tài sản chung của gia đình bà M thì đề nghị Tòa án xem xét để chi cục thi hành án dân sự huyện BGM có căn cứ giải quyết hồ sơ thi hành án.

** Ông Lê Minh B – đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện BGM trình bày:*

Ông B thống nhất trình bày như nội dung Công văn số 471/UBND-SX ngày 17/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện BGM với những nội dung như sau:

Đối với diện tích đất 11.516,8 m², thửa đất số 35, tờ bản đồ địa chính số 44 tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 08/2017/QĐ0-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước.

Hiện nay Ủy ban nhân dân huyện BGM chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho thửa đất số 35 nêu trên.

Đối với trường hợp chưa hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc có thể tạm giao cho đương sự sử dụng khi Tòa án giải quyết vụ án hay không trong trường hợp đất chưa hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện BGM đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Đối với ông Võ Hoàng T chưa nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện đối với thửa đất nói trên. Do đó UBND huyện không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ các Điều 25, 26, 27, 28, 29, 46 Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ khoản 3, 8, 9 Điều 2 Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Điều 167, 168, 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014;

Khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 147, Điều 266, 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K.
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K về việc “hủy vi bằng”.

Tuyên bố hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 lập tại Văn phòng thừa phát lại PL giữa những người yêu cầu bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th là những người sở hữu chung đối với tài sản là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 44, diện tích đất 11.516,8 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 13/3/2023 nguyên đơn Lại Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 21/3/2023, nguyên đơn Lại Thị K có đơn bổ sung đơn kháng cáo ngày 13/3/2023, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lại Thị K; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Lại Thị K làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật đối với vụ án này là “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và tranh chấp hủy vi bằng*” là chưa chính xác vì theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K yêu cầu Tòa án xác định bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th là những người sở hữu chung đối với tài sản là thửa đất số 35, tờ bản đồ số

44, diện tích 11.516,8 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, thửa đất này đã bị Chi cục Thi hành án huyện BGM cưỡng chế kê biên để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự tại Quyết định thi hành án số 538/QĐ-CCTHADS ngày 28/7/2021. Do vậy, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” quy định tại khoản 12 Điều 26 BLTTDS mới chính xác.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Thửa đất số 35, diện tích đất 11.516,8 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN có nguồn gốc do ông Võ Hoàng T khai hoang vào năm 1993 và được ông T, bà M canh tác, sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay không có ai tranh chấp quyền sử dụng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Căn cứ công văn số 471 ngày 17/6/2022 của UBND huyện BGM thì thửa đất số 35 nêu trên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc thửa đất là do ông T khai phá nhưng bà M (vợ ông T) cùng ông T quản lý, sử dụng, chăm sóc cây trồng trên thửa đất nên bà M cũng có một phần quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cả ông T và bà M.

Căn cứ vào biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án ngày 16/8/2019 tại Cục Thi hành án huyện BGM thể hiện: bà M, anh T, ông Th và anh D thống nhất phân chia tài sản chung của gia đình như sau: giao cho ông T sử dụng thửa đất số 35, diện tích đất 11.516,8m² tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước, xét biên bản tặng cho quyền sử dụng đất này là không có căn cứ, vì thửa đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, văn bản thỏa thuận này không phát sinh hiệu lực thi hành cho nên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 44 này vẫn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông T và bà M.

Theo lời ông T và bà M trình bày thì thửa đất trên có nguồn gốc do ông T khai phá từ năm 1993 và ông bà quản lý sử dụng từ đó đến nay. Ông bà có hai người con chung gồm: anh Võ Hoàng Th, sinh năm 1986, anh Võ Hoàng D, sinh năm 1994. Mặc dù tại thời điểm ông T khai phá diện tích đất này thì anh Th và anh D còn nhỏ tuổi, không có công khai phá tạo lập tài sản nhưng anh Th và anh D có phần đóng góp công sức vào việc duy trì, tôn tạo, phát triển tài sản này để tạo thành tài sản chung của các thành viên trong gia đình.

Do vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 35, tờ bản đồ số 44 có diện tích 11.516,8m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước là tài sản chung của ông T, bà M, anh Th và anh D.

[3.2] Đối với yêu cầu hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 lập tại Văn phòng thừa phát lại PL.Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức của vi bằng: Được lập thành văn bản tại Văn phòng thừa phát lại có thẩm quyền và được đăng ký tại Sở tư pháp theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ.

Về nội dung của vi bằng: Vi bằng được lập trên cơ sở tự nguyện của gia đình bà M, ông T, anh D và anh Th, các đương sự tham gia có đủ năng lực hành vi dân sự. Vi bằng ghi nhận sự kiện về việc gia đình bà M, ông T và anh D thống nhất giao quyền sử dụng đối với thửa đất số 35, diện tích đất 11.516,8 m² tại thôn ĐL, xã PN cho anh Th trực tiếp quản lý sử dụng. Mặc dù thửa đất số 35 là tài sản chung của bà M và ông T, nên ông bà được quyền định đoạt đối với đất, nhưng theo quy định tại Điều 168, 188 Luật đất đai năm 2013 thì điều kiện để thực hiện quyền tặng cho quyền sử dụng đất là đất phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đồng thời hợp đồng tặng cho phải được công chứng, chứng thực và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thì mới có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, việc gia đình bà M lập vi bằng để tặng cho anh Th quyền sử dụng đất khi chưa được cấp giấy chứng nhận là không đúng quy định pháp luật nên bị vô hiệu. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 lập tại Văn phòng thừa phát lại PL là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Chi phí tố tụng: Bị đơn bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th phải liên đới chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Do bà K đã nộp đầy đủ số tiền trên nên bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà K số tiền này.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lại Thị K.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BGM.

Căn cứ các Điều 25, 26, 27, 28, 29, 46 Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ khoản 3, 8, 9 Điều 2 Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Điều 167, 168, 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Khoản 12 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K.

Công nhận thửa đất số 35, tờ bản đồ số 44, diện tích đất 11.516,8 m² tọa lạc tại thôn ĐL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước là tài sản chung của hộ gia đình gồm bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị K về việc “hủy vi bằng”.

Tuyên bố hủy vi bằng số 110/2019/VB-TPL ngày 21/6/2019 lập tại Văn phòng thừa phát lại PL giữa những người yêu cầu bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th phải liên đới hoàn trả lại cho bà K số tiền 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lại Thị K không phải chịu, hoàn trả lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006134 ngày 10/3/2022 và số 0006279 ngày 29/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BGM, tỉnh Bình Phước,

Bị đơn bà Đoàn Thị M, ông Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng D, anh Võ Hoàng Th phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà K không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006448 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự BGM, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện BGM;
- TAND huyện BGM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga